TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DS-PT
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức;

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4553/2023/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: A, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan:

Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Ông H2 đã chết ngày 27/3/2022 – BL 50)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Căn cứ vào "Biên nhận vay mượng tiền vàng" đề ngày 30/9/2021 của bà Nguyễn Thị T thì vợ chồng ông H và bà H1 cho bà T vay tiền, không thế chấp tài sản, số tiền là 500.000.000 đồng, 08 chỉ vàng 24Kara và 04 chỉ vàng 18Kara, mục đích bà T vay tiền là để hai vợ chồng bà T nuôi tôm, bà T cam kết khi nào bán đất sẽ trả đủ cho nguyên đơn.

Sau đó vợ chồng bà T đã bán đất, đã nhận đủ tiền nhưng cố tình không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ kiện thì chồng bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn H2 chết ngày 27/3/2022.

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T có 01 người con tên Nguyễn Hoa Xuân T1.

Do đó, vợ chồng ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H2 là Nguyễn Hoa Xuân T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông, bà số tiền vốn đã vay là 500.000.000 đồng, 08 chỉ vàng 24Kara, 04 chỉ vàng 18Kara và tiền lãi của số tiền vốn 500.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 30/9/2021 theo mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền theo thỏa

thuận giữa hai bên theo biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 04/7/2022 là 33.200.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28 tháng 6 năm 2023 (BL 178) và tại phiên tòa sơ thẩm ông H, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Hoa Xuân T1 về việc buộc anh T1 liên đới trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2014 cho đến tháng 8 năm 2018 bà có vay của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 14 lần, cụ thể mỗi lần vay như sau:

- Ngày 01/9/2014 vay 12.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 05/9/2014 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 600.000 đồng/ tháng.

- Ngày 05/10/2014 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 1.750.000 đồng/ tháng.

- Ngày 09/9/2014 vay 40.000.000 đồng, lãi suất 3.600.000 đồng/ tháng.

- Ngày 10/9/2014 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 11/10/2014 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 15/10/2014 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 20/9/2014 vay 23.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 23/10/2014 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 22/11/2014 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 1.350.000 đồng/ tháng.

- Ngày 26/12/2014 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng.

- Ngày 29/11/2014 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 900.000 đồng/ tháng.

- Ngày 30/12/2014 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/ tháng.

- Không nhớ ngày, tháng, năm 2014 vay số tiền 160.000.000 đồng, lãi 4.800.000 đồng/ tháng, mượn 08 chỉ vàng 24Kara, 04 chỉ vàng 18Kara.

- Ngày 25/9/2014 vay 100.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng/năm.

Tổng số tiền lãi mỗi tháng bà phải đóng cho ông H, bà H1 là 22.500.000 đồng, một năm bà phải đóng số tiền lãi là 270.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian vay bà đã đóng lãi cho ông H, bà H1 đến tháng 8 năm 2018 thì ngưng không đóng lãi nữa vì bà làm ăn thua lỗ, tổng số tiền bà đóng lãi cho ông H, bà H1 khoảng 900.000.000 đồng.

Bà thừa nhận hiện nay còn nợ ông H, bà H1 số tiền vốn vay gốc là 500.000.000 đồng cùng với 08 chỉ vàng 24Kara, 04 chỉ vàng 18Kara.

Giấy tay "Biên nhận vay mượng tiền vàng ngày 30/9/2021" là do bà tự viết và ký tên vào. Từ ngày viết giấy tay ngày 30/9/2021 thì bà không có trả lãi cho ông H, bà H1.

Bà yêu cầu Tòa án xem xét lại việc bà đã trả lãi cho ông H, bà H1 trước đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà đồng ý trả số tiền nợ vốn vay, lãi cho ông H, bà H1 nhưng yêu cầu được trả hàng năm tùy theo kết quả thu hoạch mà bà hùn nuôi tôm với người khác, lãi được bao nhiêu thì bà sẽ trả cho ông H, bà H1 bấy nhiêu.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 470, 164 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút về việc không yêu cầu anh Nguyễn Hoa Xuân T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị T.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

3. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H1 số tiền vay là 533.200.000đ (năm trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó: Vốn gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), lãi là 33.200.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng); 08 (tám) chỉ vàng 24Kara, 04 (bốn) chỉ vàng 18Kara.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để bảo đảm thi hành án sau này cho đến khi có quyết định

hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2022/QĐ-BPBĐ ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đối với tài khoản số 7104205143830 tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện B tiền 116.105.000 đồng (một trăm mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, bà T yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử:

- Xem xét lại số tiền lãi mà bà đã đóng cho vợ chồng ông H, bà H1 là 900.000.000 đồng.

- Xem xét lại việc Tòa án hủy bỏ biện pháp bảo đảm để cho ông H, bà H1 nhận lại tiền bảo đảm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Nguyên đơn ông H, bà H1 không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung:

Đối với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, 08 chỉ vàng 24K và 04 chỉ vàng 18K, bà T thừa nhận còn nợ lại ông H, bà H1. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H1.

Đối với yêu cầu tính lãi lại của bà T: Chứng cứ bà T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu xem xét số tiền 900.000.000 đồng mà bà đã đóng lãi cho ông H, bà H1 là giấy viết tay của bà Nguyễn Thị H1 (BL 153) nội dung chỉ thể hiện có sự thỏa thuận về lãi suất, không thể hiện số tiền 900.000.000 đồng mà bà T cho rằng đã đóng lãi cho ông H, bà H1. Về phía ông H, bà H1 cũng không thừa nhận có nhận của bà T số tiền lãi 900.000.000 đồng. Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023 (BL 163), bà T trình bày việc đóng lãi cho ông H, bà H1 không có ký nhận. Từ đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu tính lãi lại của bà T như nhận định của Tòa án sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với việc "Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/05/2022, của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để bảo đảm thi hành án sau này cho đến khi có quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự". Nhận thấy, Quyết định số 05/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/05/2022, của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 299, 300 do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên quyền sử dụng đất. Theo đơn khởi kiện, ông H, bà H2 yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 cùng liên đới với bà T trả cho ông H, bà H2 số tiền 500.000.000 đồng, 08 chỉ vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K. Ngày 27/3/2022, ông H2 chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm bà Nguyễn Thị T (vợ), Nguyễn Hoa Xuân T1 (con), Nguyễn Văn N (cha) và Nguyễn Thị C (mẹ) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2. Mặc dù ông H, bà T rút yêu cầu, không yêu cầu ông T1 cùng liên đới với bà T trả số tiền, vàng nợ nhưng vẫn phải đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2 vào tham gia tố tụng. Tòa án không xác định bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hoa Xuân T1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo việc thi hành án. Cần thiết hủy án sơ thẩm giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H2 liên đới trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H2 chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm vợ là bà T, con là anh Nguyễn Hoa Xuân T1, cha là ông Nguyễn Văn N, mẹ là bà Nguyễn Thị C. Ông N, bà C đã chết (BL 81). ngoài bà T đã tham gia tố tụng trong vụ án, Tòa án có đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2 là anh Nguyễn Hoa X T1 vào tham gia tố tụng nhưng sau đó nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T1 nên cấp sơ thẩm không tiếp tục đưa anh T1 tham gia tố tụng và đình chỉ giải quyết đối với việc rút yêu cầu đối với anh T1 là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng khẳng định rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Hoa Xuân T1, chỉ khởi kiện bà T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa người tham gia tố tụng trong vụ án gồm nguyên đơn và bị đơn là đã đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số tiền là 533.200.000đ (năm trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 33.200.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng); 08 (tám) chỉ vàng 24 Kara, 04 (bốn) chỉ vàng 18Kara. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "Biên nhận vay mượng tiền vàng" ngày 30/9/2021 do bà T viết và ký tên.

Bị đơn bà T đồng ý trả tiền và vàng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng yêu cầu được trả hàng năm tùy theo kết quả thu hoạch mà bà hùn nuôi tôm với người khác, lãi được bao nhiêu thì bà sẽ trả cho ông H, bà H1 bấy nhiêu. Đồng thời, bà T yêu cầu xem xét lại số tiền lãi mà bà đã đóng cho vợ chồng ông H, bà H1 là 900.000.000 đồng.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà H1, bà T đều trình bày thống nhất hiện nay bà T còn nợ của ông H, bà H1 số

tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 33.200.000 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), 08 (tám) chỉ vàng 24Kara và 04 (bốn) chỉ vàng 18Kara, đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho ông H, bà H1 số nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T về việc xem xét lại phần lãi suất mà bà đã trả cho ông H, bà H1 từ năm 2014 cho đến ngày bà viết giấy nợ ngày 30/9/2021 là 900.000.000 đồng. Bà T cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày là giấy viết tay mà bà cho rằng là giấy ghi lại những lần bà H1 đã cho vay, đã thể hiện có sự thỏa thuận về lãi suất, số tiền lãi cụ thể. Tuy nhiên, ông H, bà H1 không thừa nhận có việc bà T trả lãi như bà T trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ do bà T giao nộp không ghi ngày, tháng, năm, các con số ghi không thể hiện được nội dung cụ thể, cũng như không có chữ viết, chữ ký của ông H, bà H1 hay bà T xác nhận cụ thể nội dung gì của các chứng cứ này. Bà T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày về các lần bà T đã trả tiền lãi, cụ thể số tiền lãi đã trả, thời gian trả tiền lãi cho ông H, bà H1. Ngoài ra, Tòa án đã ban hành Quyết định giao nộp chứng cứ số 33/2023/QĐ-CCTLCC ngày 17/5/2023 yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ cho việc đã trả lãi cho bà H1, ông H nhưng quá thời hạn do Tòa án ấn định mà bà T không cung cấp được chứng cứ gì. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc tính lãi lại.

[3] Đối với Quyết định số 05/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/05/2022, của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 299, 300 do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên quyền sử dụng đất: Các thửa đất là tài sản của vợ chồng bà T và ông H2 nên mặc dù nguyên đơn khởi kiện cá nhân bà T nhưng việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án là phù hợp do đó là tài sản chung của vợ chồng và trong đó có phần tài sản của bà T. Vì vậy, việc duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án sau này và cấp sơ thẩm duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời là phù hợp nhưng lại tuyên hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2022/QĐ-BPBĐ ngày 06/05/2022 để nguyên đơn được nhận lại số tiền đang bị phong tỏa tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện B tiền 116.105.000 đồng là không đúng với quy định pháp luật nên cần điều chỉnh và duy trì biện

pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2022/QĐ-BPBĐ ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để đương sự được nhận lại tiền bảo đảm được thực hiện theo quy định tại điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H2, ông H là có căn cứ.

Bà T kháng cáo yêu cầu tính lãi lại nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T. Đối với việc bà T kháng cáo "yêu cầu xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để cho ông H, bà H2 nhận lại tiền bảo đảm" là kháng cáo có căn cứ nên chấp nhận. Do đó, cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470, 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Hoa Xuân T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị T.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 533.200.000đ (năm trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 33.200.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng); 08 (tám) chỉ vàng 24Kara, 04 (bốn) chỉ vàng 18Kara.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để bảo đảm thi hành án cho đến khi có quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2022/QĐ-BPBĐ ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đối với tài khoản số 7104205143830 tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện B tiền 116.105.000đ (một trăm mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang